

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	6 - 13

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Asean trình bày Báo cáo của mình, Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Asean (gọi tắt là “Công ty”) là đơn vị được điều chỉnh tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015002 ngày 12/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép thành lập hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 34/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 12 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC - UBCK cấp ngày 16/11/2016 về việc điều chỉnh tên Công ty, và Giấy phép điều chỉnh số 61/GPĐC - UBCK cấp ngày 26/12/2017 về việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty.

Tên Công ty viết bằng tiếng anh: ASEAN SECURITIES CORPORATION.

Tên viết tắt của Công ty là: ASEAN SECURITIES.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, số 18 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh tại: Tầng 11, Tòa nhà số 78-80 đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động của Chi nhánh là môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch
Bà Lê Thị Thanh Bình	Phó Chủ tịch
Bà Đặng Thị Hà Nguyên	Ủy viên
Ông Hoàng Việt Đức	Ủy viên
Bà Vũ Thị Lan	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Bà Lê Thị Thanh Bình	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vũ Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Tiến	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính để Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lập Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết và chịu trách nhiệm đảm bảo rằng việc lập và trình bày Báo cáo này là hoàn toàn phù hợp và tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính cũng như Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan khác đến việc lập và trình bày Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, 



Lê Thị Thanh Bình

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2018

Số: 272/2018/BCKT-BCTLATTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2017
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Asean**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Asean**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Chứng khoán ASEAN (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 23 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 13 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính, chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo đã được lập và trình bày phù hợp với quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.



Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens***Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2018*

Bùi Thị Thúy**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2018

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh
Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chúng tôi cam đoan rằng:

- Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập Báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;
- Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập Báo cáo này chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ Báo cáo tiếp theo;
- Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung Báo cáo.

Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phương

**Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ**



Vũ Thu Thủy

Tổng Giám đốc



Lê Thị Thanh Bình

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

PHẦN I - BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị tính: VND

TT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
A	Vốn chủ sở hữu	948.886.989.549	32.673.022.297	41.852.121.336
1	Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	1.000.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)			
3	Cổ phiếu quỹ			
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn			
5	Vốn khác của chủ sở hữu			
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý			
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ			
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	2.945.994.322		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
10	Lợi nhuận chưa phân phối	(51.847.544.962)		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	(2.211.459.811)		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định			
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		32.673.022.297	41.852.121.336
16	Vốn khác (nếu có)			
1A	Tổng			958.066.088.588
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tài sản tài chính		5.077.006.887	
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
4	Các khoản cho vay		1.708.936.179	
5	Tài sản sẵn sàng để bán (AFS)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp.			
7	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)		3.728.133.333	
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		3.728.133.333	
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
10	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

PHẦN I - BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: VND

TT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng (1)	Khoản giảm trừ (2)	Khoản tăng thêm (3)
11	Phải thu nội bộ			
	- Các khoản phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
12	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
13	Các khoản phải thu khác			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu		(360.062.625)	
II	Tài sản ngắn hạn khác		872.165.497	
1	Tạm ứng			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ		1.724.181	
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		864.441.316	
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		6.000.000	
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ			
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
7	Tài sản ngắn hạn khác			
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			
1B	Tổng		5.949.172.384	
C	Tài sản dài hạn		9.526.356.078	
I	Tài sản tài chính dài hạn			
1	Các khoản phải thu dài hạn			
2	Các khoản đầu tư			
2.1	Các khoản nắm giữ đến ngày đáo hạn			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
2.2	Đầu tư vào công ty con			
2.3	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
2.4	Đầu tư dài hạn khác			
II	Tài sản cố định		2.195.755.930	
III	Bất động sản đầu tư			
IV	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
V	Tài sản dài hạn khác		7.330.600.148	
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		149.928.345	
2	Chi phí trả trước dài hạn		192.002.952	
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
4	Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán		6.988.668.851	
5	Tài sản dài hạn khác			

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

PHẦN I - BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: VND

TT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
VI	<i>Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn khác</i>		-	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5			
1C	Tổng		9.526.356.078	
D	Các khoản ký quỹ, đảm bảo		-	
1	Giá trị ký quỹ		-	
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm lưu ký chứng khoán (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)			
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)			
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
2	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày			
1D	Tổng		-	
	VỐN KHẢ DỤNG (=1A - 1B - 1C - 1D)			942.590.560.126

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

PHẦN II - BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Đơn vị tính: VND

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)=(1)x(2)
I	Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		27.092.934.161	-
1	Tiền mặt (VND)	0%	-	-
2	Các khoản tương đương tiền	0%	27.092.934.161	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%	-	-
II	Trái phiếu chính phủ			
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định			
	- Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, IEB và EBRD	3%	-	-
III	Trái phiếu doanh nghiệp		638.862.500.000	196.597.625.000
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	392.982.500.000	98.245.625.000
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%		
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35%		
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	245.880.000.000	98.352.000.000
IV	Cổ phiếu		220.036.233.580	44.584.015.641
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	36.510.498.000	3.651.049.800
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội	15%	57.932.498.700	8.689.874.805
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UPCOM	20%	94.578.424.680	18.915.684.936
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch, cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	10.900.000.000	3.270.000.000
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	20.114.812.200	10.057.406.100

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

PHẦN II - BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: VND

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)=(1)x(2)
V	Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			-
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%	-	-
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%	-	-
VI	Chứng khoán bị hạn chế giao dịch		1.130.000	565.000
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%	-	-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	1.130.000	565.000
VII	Chứng khoán phái sinh			-
17	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8%	-	-
18	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3%	-	-
VIII	Chứng khoán khác			-
19	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
20	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25%	-	-
21	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc chỉ số đạt chuẩn	100%	-	-
22	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh	8%	-	-
23	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10%	-	-
24	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành		-	-
25	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)		-	-
26	Phần chênh lệch giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm		-	-
IX	Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)		196.597.625.000	58.979.287.500
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	TP Công ty CP Khách sạn DL Sông Nhuệ	30%	98.245.625.000	29.473.687.500
2	TP Công ty CP Intimex Việt Nam	30%	98.352.000.000	29.505.600.000
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)				300.161.493.141

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

PHẦN II - BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: VND

B. RỦI RO THANH TOÁN

Giá trị rủi ro (đồng)

Rủi ro trước thời hạn thanh toán (Thuyết minh 1):	2.796.009.464
Rủi ro quá thời hạn thanh toán (Thuyết minh 2):	-
Rủi ro tăng thêm (Thuyết minh 3)	-
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN	2.796.009.464

1. Rủi ro trước thời hạn thanh toán

TT	Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro (đồng)						Tổng giá trị rủi ro (đồng)
		0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
1	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác						181.212.792	181.212.792
2	Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							-
3	Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							-
4	Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							-
5	Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						2.614.796.672	2.614.796.672
Tổng giá trị rủi ro trước thời hạn thanh toán								2.796.009.464

2. Rủi ro quá thời hạn thanh toán

TT	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro (đồng)	Giá trị rủi ro (đồng)
1	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao	16%		-
2	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao	32%		-
3	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao	48%		-
4	Từ 60 ngày trở đi	100%		-
Tổng giá trị rủi ro quá thời hạn thanh toán				-

3. Rủi ro tăng thêm

TT	Chi tiết tới từng đối tác	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro (đồng)	Giá trị rủi ro (đồng)
1				
2				
3				
Tổng giá trị rủi ro tăng thêm				-

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

PHẦN II - BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: VND

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)
I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới tháng 12 năm 2017	111.421.228.577
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí (<i>xem thuyết minh 1</i>)	(2.317.340.343)
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	113.738.568.920
IV	25% tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% x III)	28.434.642.230
V	20% vốn pháp định của công ty chứng khoán	60.000.000.000
	Tổng giá trị rủi ro hoạt động (Max{IV,V})	60.000.000.000

Thuyết minh 1: Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí

	Giá trị (đồng)
- Chi phí khấu hao	1.497.128.551
- Chi phí /hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	1.937.249.291
- Chi phí /hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	-
- Chi phí /hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(5.751.718.185)
- Chi phí /hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác	-
- Chi phí /hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản dài hạn	-
Tổng	(2.317.340.343)

PHẦN III - TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

TT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/ Vốn khả dụng	Đơn vị tính
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	300.161.493.141	đồng
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	2.796.009.464	đồng
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	60.000.000.000	đồng
4	Tổng giá trị rủi ro (4 = 1 + 2 + 3)	362.957.502.605	đồng
5	Vốn khả dụng	942.590.560.126	đồng
6	Tỷ lệ vốn khả dụng (6 = 5/4)	259,70	%

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phương

Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ



Vũ Thu Thủy

Tổng Giám đốc



Lê Thị Thanh Bình